

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 25/GTr-CAG

An Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2025

V/v: Giải trình chênh lệch lợi  
nhuận sau thuế và lỗ sau thuế  
BCTC đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

1. Tổ chức đại chúng: **Công ty Cổ phần Cảng An Giang**

2. Mã chứng khoán: **CAG**

3. Trụ sở chính: Quốc lộ 91, Tổ 15, Khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: (0296) 3831 447 – (0296) 3831 535; Fax: (0296) 3831 129.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600125108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 29/03/2011, cấp thay đổi lần thứ 01 ngày 11/01/2016.

5. Nội dung:

5.1. Giải trình chênh lệch biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023.

Theo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Cảng An Giang giảm 3.755 triệu đồng, tỷ lệ giảm so năm 2023 (biến động hơn 10%). Công ty giải trình như sau:

ĐVT: VND

Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.371.820.418	59.082.598.087	(20.710.777.669)	(35,05)
2	Giá vốn hàng bán	36.662.394.003	50.396.260.940	(13.733.866.937)	(27,25)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.709.426.415	8.686.337.147	(6.976.910.732)	(80,32)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.131.740.610	3.935.542.090	(803.801.480)	(20,42)
5	Chi phí tài chính	52.745.561	(164.997.282)	217.742.843	(131,97)
6	Chi phí bán hàng	1.263.540.135	1.154.634.228	108.905.907	9,43
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.752.243.668	7.704.713.596	1.047.530.072	13,60
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.227.362.339)	3.927.528.695	(9.154.891.034)	8,19

Số tt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)=(5)/(4)x100
9	Thu nhập khác	4.439.990.301	2.982.701	4.437.007.600	148.758,04
10	Chi phí khác	32.820.800	3.625.715	29.195.085	805,22
11	Lợi nhuận khác	4.407.169.501	(643.014)	4.407.812.515	(685.492,46)
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	(820.192.838)	3.926.885.681	(4.747.078.519)	(120,89)
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(158.619.669)	833.641.850	(992.261.519)	(119,03)
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(661.573.169)	3.093.243.831	(3.754.817.000)	(121,39)

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 20.711 triệu đồng, giá vốn hàng bán giảm 13.734 triệu đồng làm cho lợi nhuận gộp giảm 6.977 triệu đồng.

- Doanh thu tài chính giảm 804 triệu đồng, chi phí tài chính tăng 218 triệu đồng làm cho lợi nhuận giảm 1.022 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng tăng 109 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.048 triệu đồng làm lợi nhuận giảm 1.157 triệu đồng.

Chính 3 yếu tố trên và lợi nhuận khác tăng 4.408 triệu đồng, chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 992 triệu đồng làm tổng lợi nhuận sau thuế giảm 3.755 triệu đồng.

## 5.2. Giải trình nguyên nhân lỗ sau thuế năm 2024, như sau.

\* Tổng thu nhập (sau khi trừ các khoản giảm trừ) năm 2024 là: 45.943.551.329 đồng, trong khi tổng chi phí là: 46.605.124.498 đồng, làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: (661.573.169) đồng, cụ thể:

- Tổng thu nhập bao gồm:

- + Doanh thu từ bán hàng & CCDC là: 38.371.820.418 đồng.
- + Doanh thu hoạt động tài chính là: 3.131.740.610 đồng.
- + Thu nhập khác: 4.439.990.301 đồng.

- Tổng chi phí bao gồm:

- + Giá vốn hàng bán là: 36.662.394.003 đồng.
- + Chi phí tài chính là: 52.745.561 đồng.
- + Chi phí bán hàng là: 294.556.551 đồng.
- + Chi phí QLDN là: 1.263.540.135 đồng.
- + Chi phí khác là: 32.820.800 đồng.
- + Chi phí thuế TNDN hiện hành: (158.619.669) đồng.



Trên đây là giải trình tình hình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với năm 2023, một số ý kiến giải trình lỗ sau thuế báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Cảng An Giang, xin báo cáo đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Thành Hiệp

